

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1901/SXD-QLN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2019

V/v huy động vốn đầu tư xây dựng nhà ở
thuộc (khu 3) Dự án Khu đô thị Phú Cường
phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương
mại tại Lô P45, P46, P47, P 48.

Kính gửi: Công ty Cổ phần đầu tư Phú Cường Kiên Giang.

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 12/TB-PCKG ngày 14/10/2019 của Công ty CP Đầu tư Phú Cường Kiên Giang về việc huy động vốn đầu tư xây dựng nhà ở thuộc (khu 3) Dự án Khu Đô thị Phú Cường - Phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương mại tại Lô P45, P46, P47, P48.

Sau khi xem nội dung Thông báo và các hồ sơ có liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang kết hợp với kiểm tra thực tế về hệ thống hạ tầng tại hiện trường của dự án, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

Về căn cứ pháp lý liên quan đến Dự án Khu đô thị Phú Cường Kiên Giang Phần đầu tư xây dựng dãy nhà thương mại (khu 3) tại Lô P45, P46, P47, P48 Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang đã nộp kèm thông báo gồm:

- Quyết định số 1312 /QĐ-UBND ngày 16/06/2010 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt đồ án QHCT xây dựng khu vực 4, 5 khu đô thị lân biên mở rộng TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, quy mô 1.458.597m², tỉ lệ 1/500;

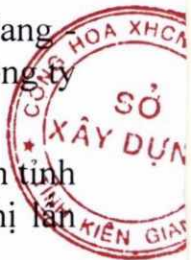
- Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 09/05/2011 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc cho phép đầu tư dự án khu đô thị mới Phú Cường thành phố Rạch Giá - Kiên Giang - Phần đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 03/06/2016 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt điều chỉnh một số Khoản thuộc Điều 1 tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 09/05/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc cho phép đầu tư Dự án Khu đô thị mới Phú Cường thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Phần đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt điều chỉnh Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 1 tại Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 3/06/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh một số khoản thuộc Điều 1 tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 09/05/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc cho phép đầu tư dự án, khu đô thị mới Phú Cường, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Phần đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 08/08/2018 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu 3, Khu đô thị Phú Cường, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỉ lệ 1/500;

- Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh một số nội dung thuộc Điều 1 tại Quyết định



số 1293/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 và Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh một số khoản thuộc Điều 1 tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc cho phép đầu tư dự án Khu đô thị mới Phú Cường thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Phần Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới Phú Cường (Khu 3) - Phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương mại P45, P46, P47 và P48;

- Quyết định số 1133 /QĐ-UBND ngày 17/05/2019 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang, về việc giao, cho thuê đất có mặt nước ven biển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Cường Kiên Giang tại phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu 3 - Khu đô thị Phú Cường;

- Thông báo số 3055/SXD-QLXD ngày 11/12/2018 của Sở Xây Dựng Kiên Giang, về kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu đô thị mới Phú Cường, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - phần đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật (Khu 3);

- Thông báo số 483/SXD-QLXD ngày 12/4/2019 của Sở Xây Dựng Kiên Giang, về kết thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình Khu đô thị mới Phú Cường (Khu 3), phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương mại P45, P46, P47 và P48.

- Các Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án gồm: hệ thống giao thông - nền đường đá, (*biên bản số 13 ngày 14/10/2019*), Hệ thống điện - điện chiếu sáng (*biên bản số 12 ngày 14/10/2019*), hệ thống thoát nước mưa các tuyến đường (*biên bản số 9 ngày 07/10/2019*), hệ thống thoát nước thải các tuyến đường (*biên bản số 10 ngày 07/10/2019*), hệ thống cấp nước sạch (*biên bản số 11 ngày 10/10/2019*).

Hồ sơ thiết kế thi công:

1. Hồ sơ thiết kế thi công lô P45 (1 - 49)
2. Hồ sơ thiết kế thi công lô P46 (1 - 45)
3. Hồ sơ thiết kế thi công lô P47 (1 - 43)
4. Hồ sơ thiết kế thi công lô P48 (1 - 41)

Căn cứ theo Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

Sở Xây dựng thống nhất danh sách thuộc dự án Dự án Khu đô thị Phú Cường thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương mại tại Lô P45, P46, P47, P48. Tổng số 178 (lô), với diện tích đất là 19.623,55 m², diện tích xây dựng 13.086,56 m², diện tích sàn 37.884,58 m² của Công ty CP đầu tư Phú Cường Kiên Giang đủ điều kiện được huy động vốn theo quy định.

Chi tiết danh sách đủ điều kiện được huy động vốn theo quy định của dự án Dự án Khu đô thị Phú Cường thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Phần đầu tư xây dựng dãy nhà phố thương mại tại Lô P45, P46, P47, P48. (đính kèm phụ lục)

Sở Xây dựng đề nghị chủ đầu tư thực hiện các nội dung sau:

- Ký hợp đồng huy động vốn từ tiền mua nhà ứng trước thông qua hình thức ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đúng theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 và các quy định pháp luật hiện hành.

- Riêng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Công ty Cổ phần Phú cường Kiên Giang phải thực hiện đúng lộ trình đã cam kết tại công văn số 94/CV-PCKG ngày 14/10/2019, đồng thời gửi bổ sung các biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật về Sở Xây dựng trước ngày 31/7/2020.//

Nam

Nơi nhận:

- Công ty CPĐT PCKG;
- Ban Giám đốc SXD (để b/cáo);
- Phòng QLNN-TTBĐS;
- Lưu VT, lvhieu.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Nam Trung

Trịnh Nam Trung



11-11-2011

Phụ lục
DANH SÁCH NHÀ Ở ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN
(Kèm theo Công văn số 1901/SXD-QLN ngày 06 tháng 11 năm 2019
của Sở Xây dựng Kiên Giang)

STT	Ký hiệu lô căn	Quy mô căn nhà	Diện tích (m2)			Tên đường	Ghi chú
			DT xây đất	DT xây dựng	DT sàn		
1	P45-01	1 trệt 2 lầu	307,08	145,88	482,08	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
2	P45-02	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
3	P45-03	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
4	P45-04	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
5	P45-05	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
6	P45-06	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
7	P45-07	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
8	P45-08	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
9	P45-09	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
10	P45-10	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
11	P45-11	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
12	P45-12	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
13	P45-13	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
14	P45-14	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
15	P45-15	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
16	P45-16	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
17	P45-17	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
18	P45-18	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
19	P45-19	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
20	P45-20	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
21	P45-21	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
22	P45-22	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
23	P45-23	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
24	P45-24	1 trệt 2 lầu	100	64	179,57	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
25	P45-25	1 trệt 2 lầu	313,78	161,57	521,04	Đường Số 31	Nhà phố thương mại P45
26	P45-26	1 trệt 2 lầu	306,29	180	582,72	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
27	P45-27	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
28	P45-28	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
29	P45-29	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
30	P45-30	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
31	P45-31	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
32	P45-32	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
33	P45-33	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
34	P45-34	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
35	P45-35	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
36	P45-36	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
37	P45-37	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
38	P45-38	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
39	P45-39	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
40	P45-40	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
41	P45-41	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
42	P45-42	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
43	P45-43	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45

STT	Ký hiệu lô căn	Quy mô căn nhà	Diện tích (m2)			Tên đường	Ghi chú
			DT xây đất	DT xây dựng	DT sàn		
44	P45-44	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
45	P45-45	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
46	P45-46	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
47	P45-47	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
48	P45-48	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
49	P45-49	1 trệt 2 lầu	287,91	163,74	527,68	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P45
50	P46-01	1 trệt 2 lầu	283,52	161,43	531,73	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
51	P46-02	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
52	P46-03	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
53	P46-04	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
54	P46-05	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
55	P46-06	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
56	P46-07	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
57	P46-08	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
58	P46-09	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
59	P46-10	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
60	P46-11	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
61	P46-12	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
62	P46-13	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
63	P46-14	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
64	P46-15	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
65	P46-16	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
66	P46-17	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
67	P46-18	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
68	P46-19	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
69	P46-20	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
70	P46-21	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
71	P46-22	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
72	P46-23	1 trệt 2 lầu	327,76	190,68	608,85	Đường Số 34	Nhà phố thương mại P46
73	P46-24	1 trệt 2 lầu	345,67	195,12	624,15	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
74	P46-25	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
75	P46-26	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
76	P46-27	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
77	P46-28	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
78	P46-29	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
79	P46-30	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
80	P46-31	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
81	P46-32	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
82	P46-33	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
83	P46-34	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
84	P46-35	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
85	P46-36	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
86	P46-37	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
87	P46-38	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
88	P46-39	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
89	P46-40	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
90	P46-41	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
91	P46-42	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46

STT	Ký hiệu lô căn	Quy mô căn nhà	Diện tích (m2)			Tên đường	Ghi chú
			DT xây đất	DT xây dựng	DT sàn		
92	P46-43	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
93	P46-44	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
94	P46-45	1 trệt 2 lầu	306,54	176,76	565,96	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P46
95	P47-01	1 trệt 2 lầu	283,51	161,43	531,73	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
96	P47-02	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
97	P47-03	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
98	P47-04	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
99	P47-05	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
100	P47-06	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
101	P47-07	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
102	P47-08	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
103	P47-09	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
104	P47-10	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
105	P47-11	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
106	P47-12	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
107	P47-13	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
108	P47-14	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
109	P47-15	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
110	P47-16	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
111	P47-17	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
112	P47-18	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
113	P47-19	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
114	P47-20	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
115	P47-21	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
116	P47-22	1 trệt 2 lầu	295,77	171,01	548,56	Đường Số 35	Nhà phố thương mại P47
117	P47-23	1 trệt 2 lầu	313,68	185,23	597,35	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
118	P47-24	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
119	P47-25	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
120	P47-26	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
121	P47-27	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
122	P47-28	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
123	P47-29	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
124	P47-30	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
125	P47-31	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
126	P47-32	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
127	P47-33	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
128	P47-34	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
129	P47-35	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
130	P47-36	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
131	P47-37	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
132	P47-38	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
133	P47-39	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
134	P47-40	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
135	P47-41	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
136	P47-42	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
137	P47-43	1 trệt 2 lầu	306,54	176,76	565,96	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P47
138	P48-01	1 trệt 2 lầu	283,52	161,43	531,73	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
139	P48-02	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48

STT	Ký hiệu lô căn	Quy mô căn nhà	Diện tích (m2)			Tên đường	Ghi chú
			DT xây đất	DT xây dựng	DT sàn		
140	P48-03	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
141	P48-04	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
142	P48-05	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
143	P48-06	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
144	P48-07	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
145	P48-08	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
146	P48-09	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
147	P48-10	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
148	P48-11	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
149	P48-12	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
150	P48-13	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
151	P48-14	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
152	P48-15	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
153	P48-16	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
154	P48-17	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
155	P48-18	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
156	P48-19	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
157	P48-20	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
158	P48-21	1 trệt 2 lầu	263,77	148,28	478,42	Đường Số 36	Nhà phố thương mại P48
159	P48-22	1 trệt 2 lầu	281,68	162,48	530,32	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
160	P48-23	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
161	P48-24	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
162	P48-25	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
163	P48-26	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
164	P48-27	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
165	P48-28	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
166	P48-29	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
167	P48-30	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
168	P48-31	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
169	P48-32	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
170	P48-33	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
171	P48-34	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
172	P48-35	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
173	P48-36	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
174	P48-37	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
175	P48-38	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
176	P48-39	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
177	P48-40	1 trệt 2 lầu	90	64	179,57	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
178	P48-41	1 trệt 2 lầu	306,54	176,76	565,96	Đường Số 37	Nhà phố thương mại P48
Tổng Cộng	178		19.623,56	13.086,56	37.884,58		